



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: 077430
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Luong Quoc Cuong
Last Middle First

Current Address: 472/2E Nguyen Tat Thanh, Q4, HCM

Date of Birth: 08/24/45 Place of Birth: Saigon

Previous Occupation (before 1975) 2nd Lt (Police)
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/26/75 To 05/78
Years: 3 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Luong Quoc Bao

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

IV:077430 DEC/22/83



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số **320667483**

Họ tên **NGUYỄN VĂN ĐỨC**

Sinh ngày

Nguyên quán

Nơi thường trú

Dân tộc: <u>Việt Nam</u>		Tôn giáo: <u>Không</u>	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
NGON TRỎ TRÁI		Đeo tháng 1, năm 1961 ở trên 10 tuổi lông này trái.	
		NGON TRỎ PHẢI	
		 ĐOÀN TRƯỞNG TY CÔNG AN 12 Lương. Hào	

1:077430 DEC/20/83

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA		Số	09072177
THẺ CÁN-CƯỚC			
Họ Tên	LÊ KIM NGUYỄN		
	Ngày, nơi sinh	17-1-1951	
	Saigon		
Cha	Lê Văn Hồng		
Mẹ	Nguyễn Thị Sẻ		
Địa chỉ 472/2E Trích Minh Thố			

Xuất riêng: Nhẹ nhàng trên cánh mũi 11.		Cao 1 m 52 Nặng: 35 Kg
Từ đường sự: <i>M. G. G. G.</i>		Ngón trỏ mặt
Saigon ngày 01-2-1969 TRƯỞNG TỶ CẢNH SÁT QUÂN-TU <i>[Signature]</i> HÀNG VĂN THÁI		Ngón trỏ trái

This I.D card was issued
by the Republic of V.N.

ĐV: 077430 ĐC/ĐĐ/83



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số **320207678**

Họ tên **LÊ-KH-NGUYỄN**



Sinh ngày **1951**
Nguyên quán **Quận I,**
Thành Phố Hồ Chí Minh.
Nơi thường trú **Xã An Hiệp,**
Châu Thành, Bến Tre.

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sẹo chàm cách 3,4cm sau đuôi mắt cái. 12-12-1978 TRƯỞNG TY CÔNG AN HÀNG-TY YÊN AN CẢNH	
NGƯỜI TRƯỞNG TẠI		NGƯỜI TRƯỞNG TẠI	

FJ077430 DEC/22/83

	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
	GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN	
	Số: 920567453	
	Họ tên	LƯƠNG-KIM-NGÂN
	Sinh ngày	1968
	Người ở	Quận 4
	Thành Phố Hồ Chí Minh	
	Nơi thường trú	Xã An Hiệp
	H. Châu Thành T. Bến Tre	

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
DẤU VẾT B. ẾNG HOẶC D. HÌNH			
Sọc tròn 0,4cm C.1, 2 ôm trên trước đầu lông mày trái.			
Ngày 21 tháng 06 năm 1984			
B. CÔNG AN		TRƯỞNG TY CÔNG AN	
		<i>7/12</i> <i>Quang. 1984</i>	

TU077430 DEC/22/83



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 320567456

Họ tên: LƯƠNG-QUỐC-TIẾN

Sinh ngày: 1946

Nguyên quán: Quận 2

Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi thường trú: Xã An Hiệp

H. Châu Thành T. Bến Tre

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH			
	NGÓN TRỎ TRÁI	Sọc tròn 0,4cm C.0,5 cm trên trước đầu lông mày trái.	
	NGÓN TRỎ TRÁI	Ngày 02 tháng 06 năm 1984 TRƯỞNG TY CÔNG AN  12 Luong Ngoc	

IV-077430 Dec/22/83



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **220748982**

Họ tên **LƯƠNG-KIM-HÀNG**

Sinh ngày **1972**

Nguyên quán **Phường 17, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh**

Nơi thường trú **Xã An Hiệp
H. Châu Thành T. Bến Tre**

Dân tộc: <u>Kinh</u> Tôn giáo: <u>Không</u>	
	ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH
	<u>Sẹo c. hàm C.1 am dưới</u> <u>phước đầu lông mày</u> <u>phải.</u>
NGON TỐT TẠI	Ngày: <u>06 tháng 03 năm 1987</u>
NGON TỐT TẠI	 HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN <u>12</u> <u>Trương Văn Ngọc</u>

Campanillo ngày 23 8-1988

Thính thưa quý hội GĐTNCT.

Tôi tên Lương Quốc Bảo hiện ngụ tại :

Có đọc báo, biết được địa chủ của quý hội,
nên gọi hồ sơ anh tôi tên Lương Quốc Cường,
nhờ quý hội giúp đỡ để xin GIẤY ĐOẠT THIỀN
(L.O.I) của C.D.P

Mọi chuyện xin quý hội giúp đỡ và xin
nhân với dân làng biết ơn của gia đình tôi.

LƯƠNG QUỐC BẢO.

QUESTIONNAIRE FOR O.D.P APPLICANTS.

ODP IV : 077430

DATE: DEC/22/83.

A. BASIC IDENTIFICATION.

1. NAME : LƯƠNG QUỐC CƯỜNG SEX : MALE.
2. DATE, PLACE OF BIRTH : AUGUST 24, 1945 - Saigon City
3. RESIDENCE ADDRESS : 274 Hòa Thành Hamlet, An Hiệp Village,
Châu Thành Princt, Bến Tre Province.
4. MAILING ADDRESS : 472/2F Nguyễn Tất Thành Street,
Fourth princt, Hồ Chí Minh City.
5. CURRENT OCCUPATION : Watch Repairing.

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME :

NAME	Date of Birth	place of birth	Sex	US	Relative
1. LÊ KIM NGUYẾT	3/17/51	Saigon City	F		Wife
2. LƯƠNG KIM NGÂN	7/20/68	Saigon City	F	S	daughter
3. LƯƠNG QUỐC TIẾN	8/1/69	Saigon City	M	S	son
4. LƯƠNG KIM HẰNG	10/10/72	Vĩnh Long Province	F	S	daughter.

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM.

1/ Closest Relatives in the U.S.A:

NAME	RELATIONSHIP	ADDRESS.
- BẢO QUỐC LƯƠNG	young brother	1011 State Ave. Chicago Park CA. 94104
- VINH QUỐC LƯƠNG	young brother	
- THÁI QUỐC LƯƠNG	young brother	

2/ Closest relative in other foreign Countries : Have not.

D. COMPLETELY FAMILY LISTING (LIVING, DEATH).

1. Father : LƯƠNG VĂN KHÁNH Death 1971 by ill.
2. Mother : NGUYỄN THỊ PHƯƠNG Death 1975 by ill.
3. Spouse : LÊ KIM NGUYẾT living. ADDRESS:
4. Former Spouse (if any) : Have not
5. Children : LƯƠNG KIM NGÂN living
LƯƠNG QUỐC TIẾN living
LƯƠNG KIM HẰNG living

274 Hòa Thành Hamlet
An Hiệp Village
Châu Thành Princt
Bến Tre Province.

E. EMPLOYMENT BY U.S. ARMY : Through EXPRESS ENTERPRISE

1. EMPLOYEE NAME : LƯƠNG QUỐC CƯỜNG COMPANY.
2. POSITION TITLE : Headlabor

- OFFICE : Small Arms Shop belong to the 1st Division, US Army in Tân Sơn Nhất Airport.
- AMERICAN SUPERVISOR : Capt. Davis. From 1962 To 1963
- OFFICE : orderly room in the 1st Division US Army Headquarters
- AMERICAN SUPERVISOR : Sergeant Major: Coleman (pook vision) From 1963 To Dec 1964
- REASON FOR SEPARATION : I must enjoy the Military Service

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF :

1. Name of person serving : LƯƠNG QUỐC CƯỜNG
2. Dates employed from : Jan 12/1965 To : April 30/1975.
3. Last rank : Second Lieutenant, police IBM Number : 120.788
4. position : Radio Communication officer (take care all radio-communication systems)
5. Office : Vĩnh Long province Police Commander.
6. Name of supervisor / C.O : Lieutenant Colonel : LÊ VĂN NHỎ.

H. REEDUCATION OF YOU :

1. Name of person in reeducation : LƯƠNG QUỐC CƯỜNG
2. Time in reeducation : from 26/6/75 To : May 19, 1978

I. ANY ADDITIONAL REMARKS :

I have sent all my documents to your office twice in 1984. Everything depend on your helping to give me a permit of emigrate to the United States. Thank you a lot first.

SIGNATURE :


LƯƠNG QUỐC CƯỜNG

DATE :

July 22/1988.

DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE :

- 01 release certificate
- 01 notice of approval
- 01 marriage certificate.
- 05 Birth certificate (1 for each person).
- 05 Copies of I.D card (1 for each person).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘI QLNNN - XC
Số: 122/XC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BIÊN NHẬN HỒ SƠ

Đội Quản lý người nước ngoài xuất cảnh tỉnh Bến Tre có nhận hồ sơ của Ông. Bà

Lương Quốc Cường
Địa chỉ 274 Ấp Hố Trâu, An Hiệp, Cầu Lộ, Mỹ Tho

Hồ sơ gồm:

- 1- 2 ảnh x 3 + ảnh lặn
- 2- 10 ảnh 3x3 + lý lịch + K. Sơ
- 3- 2 HT + HK
- 4- 85 ảnh (1x1)
- 5- _____
- 6- _____
- 7- _____
- 8- _____
- 9- _____
- 10- _____

Bến Tre, ngày 09 tháng 08 năm 1984

TL: ĐỘI QLNNN-XC

Người nộp
(Ký tên ghi rõ họ tên)

Người nhận
(Ký tên ghi rõ họ tên)

Nguyễn Quốc Cường

Nguyễn Quốc Cường

BIÊN CHỨNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
de la République Viet-nam

BIÊN CHỨNG
Service des Postes

MA 15
PA 15

Ngày 29
Tháng 6 năm 1954
C. 5

Nhật ấn Bưu cục
hoàn giấy báo
Timbre du bureau
renvoyant l'avis

GIẤY BÁO

Avis de (2)

Nhận
Réception
Trả tiền
Paiement

Địa chỉ:

Adresse

HƯƠNG QUÝ - CƯỜNG
422/2E NGUYỄN TẤT THÁNH Q1
(a) 2 nhà phố m 10 phố Minh

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ "Hoàn lại bằng máy bay" et de l'étiquette ou d'une enveloppe de couleur qui ne convient pas.
- (2) Gạch bỏ phía không thích hợp (Suffer ce qui ne convient pas).
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.

Do Bưu cục gốc ghi
A remplir par le Bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi rõ (1)
Envol recommandé

Ký gửi tại Bưu cục
Déposé au bureau de poste de

12/9/54

Số 801

Địa chỉ người nhận

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
175 SATHORN SIANG SOUTH SATHORN ROAD BANGKOK
THAILAND 10120

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát
Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày

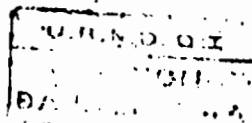
Chữ ký người nhận
Signature du destinataire (1)

Chữ ký nhân viên
Bưu cục nhận
Signature de l'agent
du bureau destinataire

Nhật ấn bưu cục nhận
Timbre du bureau
destinataire

Ghi & Bưu cục nhận
A remplir à destination

BIÊN CHỨNG (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký "được ủy quyền"
Nên phát chậm ghi lý do như "Người nhận báo lần thứ 3 mới đến".



UNITED STATES DEPARTMENT OF JUSTICE
IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE

CASE # IV077430

Naturalization certificate #11574663

Date of issue : 6-17-83

at : County of Los Angeles , Calif.

NOTICE OF APPROVAL OF RELATIVE IMMIGRANT VISA PETITION

NAME AND ADDRESS OF PETITIONER

Bao Quoc LUONG

CORRECTED

cc: Elizabeth S. KIRSNIS

NAME OF BENEFICIARY LUONG, Cuong Quoc	
CLASSIFICATION 203(a)(5)	FILE NO. Diadn 1-130
DATE PETITION FILED 9/19/83	DATE OF APPROVAL OF PETITION 12/22/83

Date: May 11, 1984

Please be advised that approval of the petition confers upon the beneficiary an appropriate classification. The approval constitutes no assurance that the beneficiary will be found eligible for visa issuance, admission to the United States or adjustment to lawful permanent resident status. Eligibility for visa issuance is determined only when application therefor is made to a consular officer; eligibility for admission or adjustment is determined only when application therefor is made to an immigration officer. Also, please note the items below which are indicated by "X" marks concerning this petition:

1. ☐ YOUR PETITION TO CLASSIFY THE BENEFICIARY AS AN IMMEDIATE RELATIVE OF A UNITED STATES CITIZEN HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT _____. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THE UNITED STATES CONSULATE, WHICH IS UNDER THE SUPERVISION OF THE DEPARTMENT OF STATE, WILL ADVISE THE BENEFICIARY CONCERNING VISA ISSUANCE. *Inquiry concerning visa issuance should be addressed to the Consul. This Service will be unable to answer any inquiry concerning visa issuance.*
2. ☐ IF YOU BECOME NATURALIZED AS A CITIZEN OF THE UNITED STATES AND AN IMMIGRANT VISA HAS NOT YET BEEN ISSUED TO THE BENEFICIARY, NOTIFY THIS OFFICE IMMEDIATELY, GIVING THE DATE OF YOUR NATURALIZATION. AT THE SAME TIME, IF THE PETITION WAS IN BEHALF OF YOUR SON OR DAUGHTER, ALSO ADVISE WHETHER THAT PERSON IS STILL UNMARRIED. THIS INFORMATION MAY EXPEDITE THE ISSUANCE OF A VISA TO THE BENEFICIARY.
3. ☒ YOUR PETITION FOR PREFERENCE CLASSIFICATION, AS SHOWN ABOVE, HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT BANGKOK. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THIS SERVICE HAS NOTHING TO DO WITH THE ACTUAL ISSUANCE OF VISAS. VISAS ARE ISSUED ONLY BY UNITED STATES CONSULS WHO ARE UNDER THE JURISDICTION OF THE U.S. DEPARTMENT OF STATE. UNDER THE LAW ONLY A LIMITED NUMBER OF VISAS MAY BE ISSUED BY THAT DEPARTMENT DURING EACH YEAR AND THEY MUST BE ISSUED STRICTLY IN THE CHRONOLOGICAL ORDER IN WHICH PETITIONS WERE FILED FOR THE SAME CLASSIFICATION. WHEN THE BENEFICIARY'S TURN IS REACHED ON THE VISA WAITING LIST, THE UNITED STATES CONSUL WILL INFORM HIM AND CONSIDER ISSUANCE OF THE VISA. *Inquiry concerning visa issuance should be addressed to the Consul. This Service will be unable to answer any inquiry concerning visa issuance.*
4. ☐ THE PETITION STATES THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE ENCLOSED APPLICATION FOR THIS PURPOSE (FORM I-485) SHOULD BE COMPLETED AND SUBMITTED BY THE BENEFICIARY WITHIN 30 DAYS IN ACCORDANCE WITH THE INSTRUCTIONS CONTAINED THEREIN. (IF THE BENEFICIARY HAD PREVIOUSLY SUBMITTED FORM I-485 WHICH WAS RETURNED TO HIM, HE SHOULD RESUBMIT THAT FORM WITHIN 30 DAYS.)
5. ☐ THE BENEFICIARY WILL BE INFORMED OF THE DECISION MADE ON HIS PENDING APPLICATION TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT (FORM I-485). eg
6. ☐ THE PETITION STATES THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. HOWEVER, AN IMMIGRANT VISA NUMBER IS NOT PRESENTLY AVAILABLE, THEREFORE, THE BENEFICIARY MAY NOT APPLY TO BECOME A PERMANENT RESIDENT.
7. ☐ ORIGINAL DOCUMENTS SUBMITTED IN SUPPORT OF YOUR PETITION UNACCOMPANIED BY COPIES THEREOF HAVE BEEN MADE A PERMANENT PART OF THE PETITION. ANY OTHERS ARE RETURNED HERewith.
8. ☒ REMARKS

Includes:

Le, Nguyet Kim, 3/17/51, Vietnam, spouse
Luong, Ngan Kim 7/20/68, Vietnam, child
Luong, Tien Quoc, 8/1/69, Vietnam, child
Luong, Hang Kim 10/10/72, Vietnam, child

VERY TRULY YOURS
Ernest A. Ruston
DISTRICT DIRECTOR

BỘ NỘI VỤ
CỤC Q.L. TRẠI GIAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

~~Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc~~

Trại cải tạo ~~quân sự~~

Số : 797

2/7. LẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-8-1977 của Thủ Tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động, hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ :
ngày về việc thực hiện chỉ thị số 316/Ttg ngày 22/8/1977 của Thủ tướng Chính Phủ.

Thi hành quyết định của số : 117/QĐ ngày 26-04-78 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên : ~~TRẦN QUỐC CUONG~~

Ngày, tháng, năm sinh : 1945

Quê quán : Sài Gòn

Trú quán : 472/2 E TỈNH MIỀN TÂY QUÂN 4 T. HỒ T. MIỀN

Số lĩnh, cấp bậc, chức vụ : ~~thiếu úy - Sĩ quan~~

~~trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị của chế độ cũ.~~

Khi về phải trực tiếp trình ngay giấy này với UBND và Công an xã, phường ~~Miền Bắc~~ thuộc huyện, quân ~~Bến~~ thành phố ~~Hồ Chí Minh~~ và phải chịu sự quản chế của chính quyền địa phương trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày trình giấy này và phải tuân theo các quy định của UBND Tỉnh, Thành phố về việc cư trú và các mặt quản lý khác.

Thời hạn do được : 4/1/1978 ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

Tên và chức vụ người đứng đầu cấp : 35 (12)

(Kèm theo 4 bản đăng ký lập nghiệp)

Lần tay ngón trở phải
của ~~TRẦN QUỐC CUONG~~
Danh chỉ bản số 1473
Lập tại

Họ và chữ ký của
người được cấp giấy

GIAM THI TRẠI



Lưu ý: ~~Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc~~

ĐO - THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận TƯ

Số hiệu 120

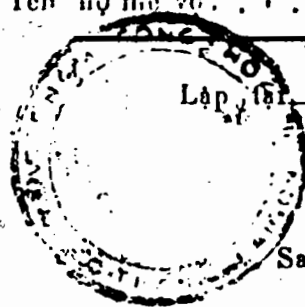
HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

NĂM một ngàn chín trăm sáu mươi tám (1968)

Tên, họ người chồng.	Lương quốc Cường
Nghề-nghiep.	Công chức
Ngày sanh.	ngày 24 tháng 8 năm 1945
Nơi sanh.	Sài Gòn
Nơi cư-ngụ	Sài Gòn, 26/63 Đỗ Quang đỏ
Tên, họ cha chồng. . .	Lương văn Khánh
Tên, họ mẹ chồng . . .	Nguyễn thị Phương
Tên, họ người vợ . . .	Lê kim Nguyệt
Nghề-nghiep.	Học sinh
Ngày sanh.	ngày 17 tháng 3 năm 1951
Nơi sanh	Sài Gòn
Nơi cư-ngụ	Sài Gòn, 472/28 Trần Minh Thủ
Tên, họ cha vợ	Lê văn Hồng
Tên họ mẹ vợ.	Nguyễn thị Sô

1968



Saigon ngày 02 tháng 7 năm 1968

TRÍCH - LỤC Y BỒN CHÁNH

Saigon, ngày 33 tháng 6 năm 1968

Quận - Trưởng Quận Tư,
TUN. Viên - Chức Hộ - Tịch,

LÊ-HIỆU-NHĨA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

HỘ-TỊCH

Bản số 1104

*

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Đã kết hôn với Lê Kim Năm một ngàn chín trăm

bốn mươi lăm (1945)

Nguyệt tậ Q.4 Saigon

ngày 2.7.1968 (chứng
thư hôn thú số 120)Ấn ký của Ủy-viên
Hộ-Tịch.-

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Lương quốc Cường
Phái	masculin
Ngày sanh	le vingt quatre août mil neuf cent quarante cinq à 15h
Nơi sanh	Saigon, 710 rue Borello
Tên, họ người Cha . .	Lương Văn Khánh qui déclare le reconnaître
Nghề-nghiep	Commerçant
Nơi cư-ngụ	Saigon, 249 rue C. Grimaud
Tên, họ người Mẹ . .	Nguyễn thị Phương
Nghề nghiệp	Sans profession
Nơi cư-ngụ	Saigon, 249 rue C. Grimaud
Vợ chánh hay thứ . .	Célibataire



TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH:

ngày 29 tháng 3 năm 1971

U.N. ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON

SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH

Linh

CHỖ CHỮ KÝ

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Bản số 2645

*

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi một (1951)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Le kim Nguyệt ✓
Phối	nữ
Ngày sanh	ngày mười bảy tháng ba năm một ngàn chín trăm năm mươi một, 1g
Nơi sanh	Saigon, 1 ^L , đường Matelot Manuel
Tên, họ người cha . . .	Le van Hong ✓
Nghề nghiệp	tài xe
Nơi cư-ngụ	Saigon, 63, đường kinh Dérivation
Tên, họ người mẹ . . .	Nguyen thi Se ✓
Nghề-nghiệp	làm việc nhà
Nơi cư-ngụ	Saigon, 63, đường kinh Dérivation
Vợ chánh hay thứ . . .	vợ chánh



TRÍCH LỤC Y BỔN CHÍNH

THAM/3

Saigon, ngày 31 tháng 12 năm 1951

TÊN: AN-TRƯỜNG SAIGON

TRƯỞNG PHÒNG HỘ-TỊCH

OÀN-ĐÌNH-LIỆ

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Thị trấn: Xã An Hiệp
Thị xã, quận: Châu Thành
Thành phố, tỉnh: Bến Tre

(BẢN SAO)

GIẤY KHAI SINH

Số 6581

Quyển số

HỌ và TÊN	<u>Sùng Kim Ngân</u>		Giới, Nữ: <u>Nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày Hai mươi tháng Bảy một ngàn chín trăm sáu mươi tám 20.7.1968</u>		
Nơi sinh	<u>Sài Gòn, đường Dương Duy Tân</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Sùng Quốc Cường</u> <u>1945</u>	<u>Sê Kim Nguyệt</u> <u>1951</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc C.N.C.C của người đứng khai	<u>Lê Kim Nguyệt C.N.C.C số 320207676</u> <u>Ấp Hòa Thành xã An Hiệp Châu Thành Bến Tre</u>		

Người soạn bản khai Đăng ký, ngày 20 tháng 10 năm 1981

TAM BƯỞI AN HIỆP

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Phó Chủ tịch



Đã phương tiện

Chúng tôi qua nhận
thời gian trước
từ UBND huyện
ở phố Văn Phòng
Bến Tre

Hàn Quốc Vinh

NAM HÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

B.C/SG B

a Hành-Chính Quận NHỊ

Số hiệu: 8471/A -
*

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm Sáu mươi chín (1969)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	LƯƠNG QUỐC TIẾN
Phái.	Nam
Ngày sanh	một, tháng tám, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín, 08/130
Nơi sanh	Saigon, 284 Công-Quynh
Tên, họ người Cha . . .	LƯƠNG QUỐC CƯỜNG
Tuổi.	hai mươi bốn
Nghề-nghiep.	công-chức
Nơi cư-ngụ,	Saigon, 241/22 Phạm-ngu-Lao
Tên, họ người Mẹ . . .	LÊ KIM NGUYỄN
Tuổi.	mười tám
Nghề-nghiep.	nhà trọ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 241/22 Phạm-ngu-Lao
Vợ chánh hay thứ. . .	vợ chánh

Lâm tại Saigon, ngày 6 tháng Năm 1969

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÍNH:

Saigon, ngày 13 tháng năm 1969

TL. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN NHỊ



QUẢN-TRƯỞNG

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT - NAM

BẢN TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1972
 XÃ Định-Thành TỈNH Vĩnh-Long (NAM - PHẦN)

SỐ HIỆU Một trăm ba mươi

Tên họ đứa con nít	Lương-kim-Hằng
Nam, Nữ	Lũ
Sanh ngày nào	Mười tháng mười dương lịch năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai
Sanh tại chỗ nào	Xã Hộu-Thành
Tên họ cha	Lương-quốc-Chông
Cha làm nghề gì	Công-Chiếu
Nhà cửa ở đâu	Xã Hộu-Thành
Tên họ mẹ	Lê-kim-Nguyệt
Mẹ làm nghề gì	Nội-trợ
Nhà cửa ở đâu	Xã Hộu-Thành
Vợ chánh hay thứ	Chánh

Trích y bốn chánh

~~Huyện Thanh Hóa~~, ngày ~~17~~ tháng ~~11~~ năm 1972
Ủy. Viên Hộ. Tích

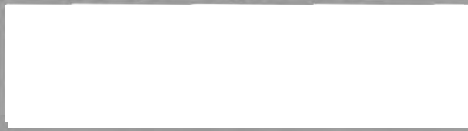
KHỎI THỊ THỰC

 ngày 17 tháng 11 năm 1960

Lê - phi

Biên lai số _____

PR: LƯƠNG QUỐC BẢO



TO: HỘI GÀ TNCT

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635